

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

TÁC ĐỘNG CỦA GÁNH NẶNG THUẾ ĐẾN
QUY MÔ KHU VỰC KINH TẾ CHƯA ĐƯỢC QUAN SÁT
VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT CỦA QUẢN TRỊ CÔNG

NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

MÃ SỐ: 9340201

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Thành phố Hồ Chí Minh – 2025

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

NGUYỄN THỊ THƯƠNG

TÁC ĐỘNG CỦA GÁNH NẶNG THUẾ ĐẾN
QUY MÔ KHU VỰC KINH TẾ CHƯA ĐƯỢC QUAN SÁT
VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT CỦA QUẢN TRỊ CÔNG

Ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số ngành: 9340201

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ Linh
2. TS Nguyễn Đức Thọ

Thành phố Hồ Chí Minh – 2025

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Luận án “**Tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát: Vai trò điều tiết của quản trị công**” tập trung đánh giá mối quan hệ giữa chính sách thuế, chất lượng quản trị công và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE) tại 10 nền kinh tế mới nổi ở châu Á giai đoạn 2002–2020. Sử dụng dữ liệu bảng đa quốc gia, luận án áp dụng các mô hình FGLS, GMM, Bayes và hồi quy ngưỡng dữ liệu bảng (Hansen, 1999) để phân tích. Kết quả thực nghiệm cho thấy: (i) gánh nặng thuế có tác động thuận chiều và có ý nghĩa thống kê đến quy mô NOE; (ii) quản trị công có tác động ngược chiều, góp phần thu hẹp NOE; và (iii) tồn tại ngưỡng quản trị công mà trên đó, ảnh hưởng mở rộng NOE của gánh nặng thuế được giảm mạnh hoặc đảo chiều. Điều này khẳng định rằng, cùng một mức thuế, quốc gia có quản trị công tốt sẽ duy trì được khu vực kinh tế chính thức ổn định hơn.

Luận án đóng góp về mặt học thuật khi lần đầu tiên lượng hóa vai trò điều tiết và ngưỡng quản trị công trong mối quan hệ giữa thuế và NOE tại nhóm nước mới nổi châu Á. Về thực tiễn, nghiên cứu đưa ra các hàm ý chính sách nhằm giảm quy mô NOE một cách bền vững: minh bạch hóa quy trình thu – chi ngân sách, đơn giản hóa thủ tục thuế, tăng cường ứng dụng số trong quản lý, và nâng cao trách nhiệm giải trình của khu vực công để củng cố niềm tin của người nộp thuế.

Từ khóa: gánh nặng thuế, quản trị công, kinh tế chưa được quan sát.

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU

1.1. Lý do chọn đề tài

Khu vực kinh tế chưa được quan sát (Non-observed economy - NOE) là bộ phận của nền kinh tế gồm các hoạt động không được ghi nhận đầy đủ trong hệ thống thống kê chính thức vì nhiều nguyên nhân (cố ý che giấu để né thuế/quy định; hoạt động chưa đăng ký; sản xuất hộ gia đình; hoạt động phi pháp). Do đó, NOE không đồng nhất với khu vực phi chính thức: khu vực phi chính thức chỉ là một cấu phần của NOE. Trong nghiên cứu kinh tế công và thống kê quốc gia, NOE có ý nghĩa đặc biệt bởi nó vừa có ý nghĩa tích cực (tạo công ăn việc làm, nhất là lao động kỹ năng thấp) vừa gây ra méo mó phân bổ nguồn lực, thất thu ngân sách và suy giảm hiệu quả chính sách (Kodila-Tedika & Mutascu, 2013). Theo các báo cáo gần đây của IMF và những nghiên cứu học thuật tiêu biểu (Medina & Schneider, 2018), NOE tồn tại ở mọi quốc gia, song quy mô và động lực biến đổi đáng kể giữa các nhóm nước, đặc biệt trong số các nền kinh tế mới nổi châu Á, khu vực đang duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đô thị hóa nhanh và chuyển đổi số mạnh. Các nền kinh tế mới nổi châu Á (Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Iran, Malaysia, Thái Lan, Ả Rập Saudi, Philippines, UAE, Việt Nam) được dự báo tiếp tục đóng góp lớn cho tăng trưởng toàn cầu nhờ cơ cấu dân số vàng, thị trường nội địa rộng và tiến bộ công nghệ. Tuy nhiên, đi kèm với đà tăng trưởng là các bất cập về hệ thống thuế và quản trị công: thủ tục thuế phức tạp, chi phí tuân thủ cao, chông chéo pháp lý, thực thi kém nhất quán, và tình trạng chi phí không chính thức. Những yếu tố này tạo động lực để các chủ thể kinh tế dịch chuyển sang khu vực không được quan sát, làm gia tăng NOE. Các ước lượng phổ biến cho thấy NOE ở châu Á từng bình quân trên 30% GDP trong giai đoạn 1999–2015; đối với nhóm mới nổi châu Á, biên độ dao động từ 15% đến hơn 40% (World Bank, 2020). Việt Nam dù tăng trưởng GDP bình quân 2015–2023 khoảng 6,5%/năm vẫn có quy mô hoạt động không được quan sát đáng

kể; nhiều nghiên cứu ước tính tương đương trên 20% GDP, cao hơn trung bình nhóm mới nổi châu Á. Bối cảnh đó giải thích vì sao Chính phủ Việt Nam ban hành Đề án thống kê NOE (Quyết định 146/QĐ-TTg, 2019) nhằm đo lường đầy đủ nền kinh tế, đồng thời nâng cao hiệu lực chính sách.

Ở cấp độ cơ chế, gánh nặng thuế (tax burden) và chất lượng quản trị công (public governance) là hai trụ cột quyết định hành vi tuân thủ và mức độ “hiện diện” của hoạt động kinh tế trong khu vực chính thức. Lý thuyết hành vi người nộp thuế và lựa chọn hợp lý (Allingham & Sandmo, 1972), khung chi phí – lợi ích (Tanzi, 1999) và đạo đức thuế (Torgler, 2005) đều cho thấy khi gánh nặng thuế và chi phí tuân thủ (cả tiền bạc lẫn thời gian) cao, chủ thể kinh tế có xu hướng né tránh nghĩa vụ, mở rộng hoạt động không được quan sát. Ngược lại, lý thuyết lựa chọn công (Buchanan & Tullock, 1962) nhấn mạnh rằng hiệu quả – minh bạch – trách nhiệm giải trình của khu vực công sẽ nâng niềm tin và mức sẵn lòng tuân thủ, từ đó giảm NOE. Ở góc độ thể chế hiện đại, quản trị công không chỉ tác động trực tiếp mà còn có thể điều tiết (moderate) tác động của thuế: cùng một mức thuế nhưng nếu quản trị tốt (thủ tục đơn giản, thực thi nhất quán, dịch vụ công tương xứng), NOE có thể không tăng – thậm chí giảm nhờ cải thiện kỳ vọng lợi ích – chi phí của việc ở lại khu vực chính thức (Zhanabekov, 2021; 2022).

Thực tiễn các nền kinh tế mới nổi châu Á cũng có lập luận trên. Một mặt, tỷ lệ thu ngân sách/GDP nhiều nước đạt mức 20–25% (World Bank, 2022) trong khi mức độ hài lòng với dịch vụ công và trải nghiệm tuân thủ chưa tương xứng: quy trình kê khai – nộp – quyết toán phức tạp, chi phí tuân thủ cao, công nghệ thông tin triển khai chưa đồng đều, tạo chi phí biên lớn cho doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh. Mặt khác, các chỉ số quản trị (WGI) ở nhiều nước vẫn dưới mức trung bình toàn cầu (ADB, 2021). Trường hợp Việt Nam cho thấy những cải thiện về minh bạch và cung ứng dịch vụ công, nhưng chênh lệch vùng miền và rào cản thủ tục vẫn đáng kể (UNDP/PAPI 2022).

Tổ hợp các yếu tố này làm suy giảm niềm tin thuế, tăng chi phí không chính thức, khuyến khích hành vi né tránh và dịch chuyển sang NOE.

Về bằng chứng thực nghiệm, nhiều nghiên cứu (Tanzi, 1999; Schneider, 2004; Torgler & Schneider, 2007; Fugazza & Jacques, 2002; Krakowski, 2005; Alm & Torgler, 2006; Feld & Frey, 2007) chỉ ra tác động mở rộng NOE của gánh nặng thuế và chi phí tuân thủ. Tuy nhiên, một nhánh nghiên cứu khác lại tìm thấy tác động ngược chiều có điều kiện: khi người nộp thuế tin tưởng rằng số thuế nộp được chuyển hóa thành dịch vụ công hữu ích, minh bạch và công bằng, thì mức thuế cao hơn không nhất thiết làm tăng NOE (Alañón & Gómez-Antonio, 2005; Hassan & Schneider, 2016; Gaspareniene & cộng sự 2016). Mặc dù đã có nhiều công trình về NOE ở châu Âu và OECD, khoảng trống vẫn hiện hữu ở ba điểm. Thứ nhất, thiếu nghiên cứu hệ thống cho nhóm mới nổi châu Á với khung dữ liệu đồng nhất kéo dài đến giai đoạn gần đây. Thứ hai, phần lớn nghiên cứu trước xem xét tách biệt tác động của thuế và quản trị công, trong khi vai trò điều tiết (moderation) của quản trị công đối với tác động của thuế ít được kiểm định trực tiếp bằng các thiết kế mô hình phù hợp (biến tương tác, phân tích ngưỡng). Thứ ba, ngay cả khi đề cập đến thể chế, ít nghiên cứu lượng hóa “ngưỡng quản trị”, mức chất lượng tối thiểu để đảo dấu/giảm biên tác động của thuế lên NOE. Hệ quả là khuyến nghị chính sách hay chung chung, thiếu căn cứ gắn với năng lực quản trị của từng quốc gia.

Song song đó, đề tài có tính thời sự với Việt Nam và khu vực. Ở Việt Nam, chủ trương mở rộng cơ sở thuế, không làm giảm nguồn thu, đơn giản hóa thủ tục, chuyển đổi số ngành thuế, và thống kê NOE đòi hỏi bằng chứng định lượng tin cậy để cân chỉnh chính sách. Tóm lại, lựa chọn đề tài “Tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát: Vai trò điều tiết của quản trị công” xuất phát từ: (i) tầm quan trọng học thuật và thực tiễn của việc hiểu đúng NOE (với phạm vi khái niệm rộng hơn khu vực phi

chính thức); (ii) nhu cầu bằng chứng cho nhóm nền kinh tế mới nổi châu Á; (iii) khoảng trống nghiên cứu về tác động có điều kiện của thuế theo chất lượng quản trị và điểm ngưỡng thể chế; (iv) hàm ý chính sách trực tiếp cho cải cách thuế và nâng cao quản trị công theo hướng công bằng – minh bạch – hiệu quả, góp phần thu hẹp NOE, tăng kỷ luật thị trường và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Từ đó, đề tài góp phần cung cấp nền tảng thực chứng để các quốc gia thiết kế chính sách thuế phù hợp năng lực quản trị, tránh áp dụng mô hình đồng nhất, và tối ưu hóa tác động tới khu vực kinh tế chưa được quan sát.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu tổng quát của luận án là nghiên cứu và đánh giá tác động của gánh nặng thuế và quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát tại các nền kinh tế mới nổi ở châu Á. Đặc biệt, luận án tập trung làm rõ vai trò điều tiết của quản trị công đối với tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất các hàm ý chính sách nhằm giúp các nền kinh tế mới nổi ở châu Á thu hẹp khu vực kinh tế chưa được quan sát, đồng thời đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững và duy trì nguồn thu ngân sách.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu tổng quát, luận án tập trung thực hiện bốn mục tiêu cụ thể sau: (1) Đánh giá tác động của gánh nặng thuế và quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE) tại các nền kinh tế mới nổi ở châu Á; (2) Phân tích vai trò điều tiết của quản trị công trong mối quan hệ giữa gánh nặng thuế và quy mô NOE nhằm làm rõ mức độ và hướng tác động của thuế trong các bối cảnh thể chế khác nhau; (3) Xác định điểm ngưỡng của quản trị công, tại đó tác động của gánh nặng thuế đối với

NOE thay đổi về chiều hướng hoặc cường độ, qua đó lượng hóa mức chất lượng thể chế cần thiết để chính sách thuế phát huy hiệu quả; và (4) Đề xuất các hàm ý chính sách liên quan đến gánh nặng thuế và quản trị công nhằm thu hẹp quy mô NOE, hướng tới hệ thống thuế minh bạch, công bằng và hiệu quả cho các nền kinh tế mới nổi ở khu vực châu Á.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là mối quan hệ giữa gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát và vai trò điều tiết của quản trị cộng.

Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi không gian: Các nền kinh tế mới nổi ở Châu Á, bao gồm 10 quốc gia là: Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Iran, Malaysia, Thái Lan, Philippines, Ả rập Saudi, Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (UAE) và Việt Nam theo phân loại các nền kinh tế mới nổi ở khu vực châu Á của IMF (2020). Việc lựa chọn 10 nền kinh tế mới nổi ở khu vực châu Á làm phạm vi nghiên cứu không chỉ dựa trên tiêu chí tăng trưởng kinh tế nhanh, mà còn có những đặc điểm tương đồng về chính sách thuế, quản trị công và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE), khiến nhóm quốc gia này trở thành mẫu nghiên cứu phù hợp để đánh giá cơ chế tương tác giữa gánh nặng thuế và quản trị công. Do đó, đây là nhóm có dữ liệu đầy đủ, phản ánh điển hình cho các nền kinh tế đang cải cách thể chế và chính sách thuế trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, phù hợp để kiểm định vai trò điều tiết của quản trị công đối với tác động của gánh nặng thuế lên khu vực kinh tế chưa được quan sát.

- Phạm vi thời gian: Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ Ngân hàng Thế giới (World Bank – WB) trong giai đoạn từ 2002 – 2020. Phạm vi nghiên cứu được xác định trong giai đoạn 2002–2020, dựa trên tính đầy đủ và khả năng so sánh của các nguồn dữ liệu công bố quốc tế. Cụ thể, từ năm 2002,

Ngân hàng Thế giới (World Bank) bắt đầu công bố liên tục bộ Chỉ số Quản trị công (WGI), cho phép theo dõi sáu khía cạnh của quản trị nhà nước một cách toàn diện và thống nhất giữa các quốc gia. Đồng thời, các nghiên cứu của Schneider & cộng sự (2010), cùng với Medina và Schneider (2018), đã cung cấp bộ dữ liệu ước lượng đáng tin cậy về quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE) cho đến năm 2020, tạo điều kiện liên kết với các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác. Dữ liệu về gánh nặng thuế (Tax Burden) được thu thập từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), đảm bảo tính chuẩn hóa và so sánh quốc tế, trong khi các biến kinh tế vĩ mô như lạm phát, GDP bình quân đầu người, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và chi tiêu của chính phủ được lấy từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới.

1.5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng trên dữ liệu bảng của 10 nền kinh tế mới nổi giai đoạn 2002–2020. Các mô hình hồi quy tuyến tính gồm Pooled OLS, FEM, REM được sử dụng để ước lượng sơ bộ, sau đó áp dụng FGLS và GMM nhằm khắc phục hiện tượng nội sinh, phương sai thay đổi và tự tương quan. Biến tương tác ($TB \times PG$) được xây dựng để đo lường vai trò điều tiết của quản trị công (PG) đối với tác động của gánh nặng thuế (TB) lên khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE). Chất lượng quản trị công được tổng hợp bằng phân tích thành phần chính (PCA) từ sáu chỉ số WGI. Để kiểm định tính phi tuyến, luận án sử dụng mô hình hồi quy ngưỡng dữ liệu bảng (Panel Threshold Regression – Hansen, 1999), và kiểm định tính vững bằng Bayes. Các kết quả được đối chiếu với lý thuyết và nghiên cứu trước nhằm bảo đảm độ tin cậy và giá trị thực tiễn của mô hình.

1.6. Đóng góp của luận án

Khi thực hiện được đầy đủ các mục tiêu nghiên cứu, luận án sẽ đóng góp được một số khía cạnh mới trong thực tiễn cũng như giá trị khoa học, cụ thể như sau:

Đóng góp mới về mặt khoa học:

Một là, luận án là nghiên cứu đầu tiên tại các nền kinh tế mới nổi châu Á kiểm định vai trò điều tiết của quản trị công đối với tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE), góp phần mở rộng khung lý thuyết về mối quan hệ giữa chính sách thuế và thể chế.

Hai là, luận án xây dựng biến tương tác (TB×PG) và kiểm định hiệu ứng ngưỡng để làm rõ vai trò và điểm ngưỡng của quản trị công, qua đó lượng hóa mức quản trị công cần thiết để chính sách thuế phát huy hiệu quả.

Ba là, luận án đóng góp phương pháp luận khi kết hợp các kỹ thuật hồi quy dữ liệu bảng cùng các ước lượng FGLS, GMM (xử lý nội sinh), kiểm định tính vững Bayes và mô hình hồi quy ngưỡng, giúp nâng cao độ tin cậy và khả năng ứng dụng của kết quả trong bối cảnh dữ liệu phức tạp giữa các quốc gia mới nổi.

Đóng góp mới về mặt thực tiễn:

Một là, luận án đã khẳng định vai trò điều tiết của quản trị công trong mối quan hệ giữa gánh nặng thuế và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE). Cụ thể, tác động mở rộng NOE của thuế giảm dần khi chất lượng quản trị công được cải thiện; tại những quốc gia có năng lực quản trị cao, cùng một chính sách thuế sẽ ít tạo ra động cơ trốn tránh nghĩa vụ thuế hơn so với các quốc gia có quản trị yếu. Biến tương tác giữa gánh nặng thuế và quản trị công (TB×PG) cho thấy tác động điều tiết âm có ý nghĩa thống kê, qua đó làm rõ rằng quản trị công là yếu tố trung gian quan trọng giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của gánh nặng thuế lên khu vực kinh tế chưa được quan sát.

Hai là, luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm rõ ràng về tác động của gánh nặng thuế và quản trị công đến quy mô khu vực này. Kết quả ước lượng bằng phương pháp cho thấy gánh nặng thuế có tác động thuận chiều và có ý

nghĩa thống kê đến quy mô NOE, tức mức thuế cao làm gia tăng động cơ hoạt động trong khu vực chưa được quan sát. Ngược lại, chất lượng quản trị công tác động ngược chiều, giúp thu hẹp quy mô NOE thông qua việc nâng cao hiệu quả điều hành, giảm chi phí tuân thủ và củng cố niềm tin xã hội.

Ba là, luận án xác định được mức ngưỡng của quản trị công (0,2873) mà tại đó tác động tiêu cực của gánh nặng thuế bắt đầu suy giảm đáng kể. Dưới ngưỡng này, thuế làm mở rộng NOE; nhưng khi quản trị công vượt qua ngưỡng xác định, tác động của thuế chuyển hướng, trở nên yếu hoặc không còn ý nghĩa thống kê. Kết quả lượng hóa ngưỡng này là đóng góp thực nghiệm nổi bật, giúp nhận diện điều kiện quản trị công tối thiểu cần đạt để chính sách thuế phát huy hiệu quả, đồng thời cung cấp cơ sở định lượng cho hoạch định chính sách cải thiện quản trị công và quản lý thuế trong các nền kinh tế mới nổi.

CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT VÀ CÁC NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM

Trong phạm vi chương 2, luận án đã khái quát hóa lý thuyết về gánh nặng thuế, quản trị công và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát bao gồm khái niệm và cách đo lường; lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm có liên quan đến tác động của gánh nặng thuế, quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát, tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát dưới tác động điều chỉnh của quản trị công.

2.1. Các cơ sở lý thuyết có liên quan

2.1.1. Cơ sở lý thuyết về tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

Gánh nặng thuế ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi tuân thủ và là nguyên nhân quan trọng dẫn tới sự mở rộng của khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE) (Cristea & cộng sự, 2020; Schneider, 2010). Theo các lý thuyết kinh tế, thuế cao và chi phí tuân thủ lớn làm suy giảm tổng cầu (Keynes), giảm động lực sản xuất và tuân thủ (Laffer), gây méo mó giao dịch và tổn thất phúc lợi (Harberger), đồng thời khuyến khích chuyển dịch hoạt động sang khu vực chưa được quan sát. Mô hình tuân thủ thuế (Allingham–Sandmo; Yitzhaki) khẳng định khi rủi ro bị phát hiện thấp và mức phạt yếu, trốn thuế trở thành lựa chọn hợp lý, làm gia tăng quy mô NOE.

2.1.2. Cơ sở lý thuyết về tác động của quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

Hệ thống quy định và quản lý nhà nước ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tuân thủ và quyền tự do kinh doanh, từ đó định hình quyết định tham gia hay rút khỏi khu vực chính thức. Theo lý thuyết thể chế (North) và kinh tế học thể chế mới (Williamson; Acemoglu & Robinson), thể chế yếu, thiếu minh bạch và thủ tục rườm rà làm tăng chi phí giao dịch, khiến khu vực chưa được quan sát (NOE) trở thành lựa chọn hợp lý cho doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh.

Lý thuyết lựa chọn công (Buchanan & Tullock) chỉ ra rằng tham nhũng và lợi ích nhóm làm suy yếu trách nhiệm giải trình, trong khi thể chế học hành vi (Torgler) nhấn mạnh niềm tin và chuẩn mực xã hội quyết định hành vi tuân thủ. Tổng hợp các lý thuyết, quản trị công tác động đến NOE qua ba kênh: chi phí tuân thủ, hiệu quả thực thi và niềm tin thể chế; khi ba yếu tố này được cải thiện, quy mô NOE sẽ thu hẹp bền vững.

2.1.3. Cơ sở lý thuyết về vai trò điều tiết của quản trị công đối với tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

Các lý thuyết kinh tế chỉ ra rằng quản trị công không chỉ tác động trực tiếp mà còn điều tiết mối quan hệ giữa gánh nặng thuế và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE). Theo đường cong Laffer, tổng thu ngân sách phụ thuộc phi tuyến vào thuế suất; trong thể chế yếu, chi phí trốn thuế thấp khiến NOE mở rộng, còn thể chế mạnh giúp nâng điểm tối ưu và giảm NOE. Lý thuyết hàng hóa công (Samuelson, Musgrave) nhấn mạnh: khi người dân nhận thấy thuế được chuyển hóa thành dịch vụ công chất lượng, mức tuân thủ tăng, còn thất vọng về hàng hóa công sẽ thúc đẩy họ rời khỏi khu vực chính thức. Lựa chọn hợp lý (Becker, Coleman) và chi phí giao dịch (Coase, Williamson) cho thấy thể chế tốt làm thay đổi cấu trúc chi phí – lợi ích, giảm rủi ro và chi phí tuân thủ, qua đó khuyến khích hoạt động chính thức. Như vậy, quản trị công là biến điều tiết cốt lõi, định hình mức độ và hướng tác động của thuế lên NOE.

2.3. Nghiên cứu thực nghiệm về tác động của gánh nặng thuế, quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát và vai trò điều tiết của quản trị công

2.3.1 Các nghiên cứu thực nghiệm về tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

Tổng hợp thực nghiệm cho thấy mối quan hệ giữa gánh nặng thuế (TB) và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE) là rất rõ rệt. Nghiên cứu tiên phong của Schneider & Neck (1992) sử dụng phương pháp cầu tiền (CDA) đo lường NOE khẳng định TB (đặc biệt thuế gián thu) và độ phức tạp hành chính làm NOE mở rộng; cải cách thuế chỉ hiệu quả khi đồng thời đơn giản hóa thủ tục và tăng minh bạch. Trên dữ liệu trong phạm vi EU, Stankevicius & Vasiliauskaite (2014) cho thấy TB tương quan dương có ý nghĩa với NOE, nổi bật ở nhóm quốc gia tài chính kém phát triển; thuế gián thu và đóng góp an sinh tác động rất mạnh. Hàng loạt kết quả (Schneider 2000, 2005; Dreher & Schneider 2006; Dell’Anno 2007) củng cố vai trò thúc đẩy của TB ở Áo, Scandinavia, và các nền kinh tế phát triển, trong khi bằng chứng ở Mỹ (Torgler 2005; Echazu & Bose 2008) nhấn mạnh hiệu quả của kiểm toán và hiệu quả chế tài trong kìm hãm NOE. Nghiên cứu liên quốc gia quy mô lớn của Unver & Yalçinkaya (2019) cho thấy TB làm tăng NOE; thu nhập và phát triển con người cao làm NOE giảm. Một số kết quả chỉ ra phi tuyến: Peter (2009) cho thấy thuế suất cao và cấu trúc phức tạp làm NOE tăng; Achim & cộng sự (2023) phát hiện đường cong hình U với thuế trực tiếp và hình $\cap$ với thuế gián thu/dóng góp xã hội, cùng ngưỡng chịu đựng khác nhau giữa EU cũ–mới. Sự dị biệt thể chế cũng quan trọng: Fedajev & cộng sự (2022) nêu TB làm NOE tăng ở nền kinh tế chuyển đổi, nhưng có thể giảm NOE ở thị trường phát triển; Navickas & cộng sự (2019) nhấn mạnh vai trò lớn của các biến thể chế (CPI, tự do kinh doanh) so với TB thuần túy. Bằng chứng gần đây (Trần Thị Kim Oanh và cộng sự, 2024) tiếp tục xác

nhận tác động có điều kiện theo năng lực tài chính–thể chế; cải cách số hóa thuế và nâng chất lượng quản trị làm suy yếu kênh TB→NOE. Tóm lại, TB là động lực quan trọng mở rộng NOE, nhưng cường độ/chiều hướng phụ thuộc mạnh vào thể chế, cấu trúc thuế và hiệu quả quản trị công.

2.3.2 Các nghiên cứu thực nghiệm về tác động của quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

Một số nghiên cứu trước đã cho thấy rằng chất lượng quản trị công yếu kém và các quy định không phù hợp là nguyên nhân dẫn đến các hoạt động tại quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (Tsibouris & Tanzi, 2000; Schneider & Enste, 2000; Johnson & Kaufmann, 2001). Các bằng chứng thực nghiệm (Tsibouris & Tanzi, 2000; Schneider & Enste, 2000; Johnson & Kaufmann, 2001) khẳng định thể chế yếu và quy định kém phù hợp làm NOE tăng lên; ngược lại, khi chính phủ hiệu lực, pháp quyền vững, kiểm soát tham nhũng tốt, NOE thu hẹp (Johnson & cộng sự, 1998; Dreher & Schneider, 2009; Buehn & Schneider, 2012; Teobaldelli, 2011; Williams & Schneider, 2013).

Các nghiên cứu theo nhóm quốc gia củng cố kết luận này: ở 51 nước Hồi giáo, Razmi & cộng sự (2013) ghi nhận mối quan hệ ngược chiều giữa PG và NOE; tại Trung–Đông Âu, Yilmaz (2016) chỉ ra rằng “tiếng nói và trách nhiệm giải trình” và “hiệu quả thực thi pháp luật” là trụ cột tác động mạnh nhất đến NOE; ở châu Âu, Psychoyios & cộng sự (2021) xác nhận PG tốt sẽ khiến NOE nhỏ hơn. Bằng chứng Việt Nam và các nước đang phát triển (Esaku, 2021; Trần Phạm Khánh Toàn & cộng sự, 2022) cũng cho thấy tham nhũng tăng làm NOE lớn hơn, trong khi cải thiện hiệu quả chính phủ làm suy giảm tác động tiêu cực của NOE. Nghiên cứu quy mô lớn dùng PCA để đo PG (Dựa trên bộ chỉ số WGI) (Ameer & cộng sự, 2025) chứng thực tác động âm bền vững của PG tới NOE; tương tự, Nguyễn Phúc Cảnh & cộng sự

(2020) cho thấy tác động của hội nhập chỉ giảm NOE khi nền tảng thể chế đủ mạnh.

2.3.3 Các nghiên cứu thực nghiệm về vai trò điều tiết của quản trị công trong tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát.

Trong số các nghiên cứu thực nghiệm, công trình của Friedman & cộng sự (2000) được xem là một trong những nghiên cứu nền tảng khi lần đầu tiên chỉ ra vai trò điều tiết của quản trị công trong mối quan hệ giữa gánh nặng thuế (TB) và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE). Trên cơ sở dữ liệu chéo của 69 quốc gia giai đoạn 1990–1997, nhóm tác giả xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính, trong đó biến phụ thuộc là tỷ lệ NOE/GDP được ước lượng từ mô hình MIMIC. Các biến độc lập bao gồm: gánh nặng thuế (tổng thuế và đóng góp an sinh xã hội/GDP), mức độ tham nhũng, hiệu lực chính phủ và pháp quyền. Kết quả cho thấy, trong các quốc gia có quản trị công yếu kém và tham nhũng cao, gánh nặng thuế có tác động thuận chiều mạnh mẽ tới NOE; ngược lại, trong môi trường quản trị hiệu quả, thuế cao không làm mở rộng khu vực này. Điều này khẳng định rằng tác động của thuế phụ thuộc vào chất lượng thể chế, và quản trị công đóng vai trò như một biến điều tiết (moderator) làm thay đổi cường độ cũng như chiều hướng của mối quan hệ TB–NOE. Chính phát hiện này đặt nền tảng lý luận và thực nghiệm cho các mô hình sau này sử dụng biến tương tác $TB \times PG$ để lượng hóa cơ chế điều tiết thể chế.

Mở rộng tiếp cận đó, nghiên cứu của Trần Phạm Khánh Toàn (2023) đã trực tiếp xây dựng biến điều tiết nhằm kiểm định vai trò của quản trị công (PG) trong mối quan hệ giữa vốn trí tuệ quốc gia (NIC) và quy mô NOE. Tác giả sử dụng dữ liệu bảng cho 51 quốc gia giai đoạn 2005–2019, đo lường NOE từ ước lượng của Medina & Schneider (2018), trong khi quản trị công được tổng hợp bằng phân tích thành phần chính (PCA) trên 6 chỉ số của WGI. Mô hình GMM được áp dụng để xử lý nội sinh, trong đó biến tương tác $NIC \times PG$

được đưa vào nhằm kiểm định vai trò điều tiết. Kết quả cho thấy PG có tác động âm và có ý nghĩa thống kê đến NOE, đồng thời hệ số âm có ý nghĩa của biến $NIC \times PG$ khẳng định rằng thể chế tốt giúp khuếch đại tác động tích cực của các yếu tố phát triển (như vốn trí tuệ) trong việc thu hẹp NOE.

Hai nghiên cứu này minh chứng rõ ràng rằng quản trị công không chỉ là yếu tố độc lập, mà còn là thành phần trung gian mang tính điều kiện hóa, làm thay đổi bản chất của các quan hệ kinh tế vĩ mô. Cách tiếp cận tạo biến tương tác trong các nghiên cứu này cũng là cơ sở phương pháp luận quan trọng cho luận án khi xây dựng và kiểm định vai trò điều tiết của PG trong mối quan hệ giữa TB và NOE, qua đó lượng hóa ngưỡng quản trị công cần thiết để chính sách thuế phát huy hiệu quả.

2.3.4. Khoảng trống nghiên cứu

Luận án có thể tập trung khai thác một số khoảng trống trong các nghiên cứu trước, cụ thể:

- Hầu hết các nghiên cứu hiện tại chỉ tập trung vào mối liên hệ rời rạc giữa gánh nặng thuế và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát; quản trị công và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát. Chưa có nghiên cứu tập trung đánh giá vai trò điều tiết của quản trị công trong mối quan hệ giữa gánh nặng thuế và khu vực kinh tế chưa được quan sát thông qua xây dựng biến điều tiết TBxPG.

- Các nghiên cứu trước cũng chưa tập trung nhiều về nghiên cứu mối quan hệ tuyến tính hay phi tuyến, đặc biệt là điểm ngưỡng của quản trị công trong vai trò điều tiết tác động của gánh nặng thuế lên khu vực kinh tế chưa được quan sát.

Như vậy, so với các nghiên cứu trước đây, luận án sẽ tập trung để giải quyết hai khoảng trống nói trên, cụ thể sẽ bổ sung hai điểm mới trong nghiên cứu:

- Thứ nhất, luận án đưa biến điều tiết gánh nặng thuế và quản trị công (TBxPG) vào mô hình nghiên cứu, từ đó xác định vai trò điều tiết của quản

trị công trong tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát;

- Thứ hai, luận án sử dụng phương pháp hồi quy ngưỡng dữ liệu bảng theo Hansen (1999) & Wang (2015), để xác định giá trị ngưỡng và ước lượng mô hình ngưỡng, với kỳ vọng tồn tại điểm ngưỡng của quản trị công mà tại đó tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát bị thay đổi.

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Từ cơ sở lý luận và thực nghiệm đã phân tích, luận án xây dựng các giả thuyết nghiên cứu như sau:

H₁: Gánh nặng thuế có tác động thuận chiều đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

H₂: Quản trị công tác động ngược chiều đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

H₃: Quản trị công có vai trò điều tiết mối quan hệ giữa gánh nặng thuế và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

H_{3a}: Khi quản trị công nằm dưới ngưỡng, gánh nặng thuế có tác động thuận chiều đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát.

H_{3b}: Khi quản trị công nằm trên ngưỡng, tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát suy giảm hoặc ngược chiều.

Căn cứ vào các mục tiêu nghiên cứu của luận án và các giả thuyết nghiên cứu đã được đề xuất, tác giả tiến hành xây dựng các mô hình nghiên cứu của luận án, cụ thể như sau:

Mô hình 1: Tác động của gánh nặng thuế và quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

$$NOE_{it} = \alpha + \beta_1 TB_{it} + \beta_2 PG_{it} + \sum_1^n \gamma * Z_n + \varepsilon_{it}$$

Mô hình 2: Vai trò điều tiết của quản trị công lên tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

$$NOE_{it} = \alpha + \beta_1 TB_{it} + \beta_2 TB_{it} \times PG_{it} + \sum_1^n \gamma * Z_n + \varepsilon_{it}$$

Mô hình 3: Ngưỡng điều tiết của quản trị công đến tác động của gánh nặng thuế lên quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

$$NOE_{it} = \alpha + \delta_1 TB_{it} I(PG_{it} \leq \lambda) + \delta_2 TB_{it} I(PG_{it} > \lambda) + \beta Z_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong đó, biến phụ thuộc NOE là quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát của quốc gia thứ i vào năm t , được xác định bằng tỷ lệ quy mô kinh tế chưa được quan sát trên GDP (%) theo phương pháp MIMIC thông qua công bố của WB (2020). Biến độc lập gánh nặng thuế (TB) được xác định thông qua tỷ lệ tổng thu thuế trên GDP (% tax revenue/GDP) thông qua tính toán và công bố của IMF (2023). Biến quản trị công (PG) được đo lường theo phương pháp phân tích thành phần chính PCA dựa trên bộ chỉ số quản trị công WGI của WB (2024). Các biến kiểm soát Zn được đưa vào mô hình bao gồm: GDP đầu người (GDP); Độ mở thương mại (Trade), Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Chi tiêu của chính phủ (GovC), Tỷ lệ lạm phát (Inf).

Phương pháp ước lượng được sử dụng nhằm đạt các mục tiêu nghiên cứu cụ thể như sau:

(1) Mục tiêu 1 – Đánh giá tác động của gánh nặng thuế và quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát (NOE):

Luận án sử dụng dữ liệu bảng đa quốc gia giai đoạn 2002–2020, ước lượng theo ba phương pháp cơ bản gồm: Pooled OLS, Fixed Effects Model (FEM) và Random Effects Model (REM). Các kiểm định được thực hiện để chọn mô hình phù hợp, kết quả cho thấy REM thích hợp nhất. Tuy nhiên, mô hình tồn tại phương sai sai số thay đổi, tự tương quan và phụ thuộc chéo, nên luận án sử dụng FGLS nhằm đánh giá chính xác mức độ và hướng tác động của TB và PG đến NOE.

(2) Mục tiêu 2 – Đánh giá vai trò điều tiết của quản trị công:

Luận án đưa biến tương tác $TB \times PG$ vào mô hình, lần lượt ước lượng bằng OLS, FEM, REM và các kiểm định để chọn mô hình thích hợp. Sau khi phát hiện hiện tượng nội sinh và tự tương quan, mô hình được ước lượng bằng GMM. Để kiểm định tính vững, luận án áp dụng thêm phương pháp Bayes.

(3) Mục tiêu 3 – Xác định ngưỡng của quản trị công:

Luận án sử dụng hồi quy ngưỡng cho dữ liệu bảng của Hansen (1999) và Wang (2015), cho phép phát hiện mối quan hệ phi tuyến giữa TB và NOE khi PG vượt qua một giá trị nhất định.

(4) Mục tiêu 4 – Đề xuất hàm ý chính sách:

Từ kết quả các mô hình, luận án tổng hợp cơ sở thực nghiệm để kiến nghị chính sách thuế và quản trị công phù hợp nhằm thu hẹp khu vực kinh tế chưa được quan sát tại các nền kinh tế mới nổi ở châu Á.

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Chương 4 trình bày kết quả ước lượng các mô hình, bằng chứng thực nghiệm cho thấy gánh nặng thuế có tác động thuận chiều đối với quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát, trong khi quản trị công tăng thì lại có tác động kìm hãm sự mở rộng của khu vực này. Ngoài ra, quản trị công còn có vai trò điều tiết tác động của gánh nặng thuế lên quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát khi đạt một ngưỡng nhất định. Đây cũng là phát hiện mới của luận án. Kết quả nghiên cứu được tổng hợp qua bảng sau:

Giả thuyết		Kết quả	Kết luận
H ₁	Gánh nặng thuế có tác động thuận chiều đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát	Gánh nặng thuế tăng làm tăng quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát.	Chấp nhận giả thuyết.
H ₂	Quản trị công tác động ngược chiều đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát	Quản trị công tăng góp phần thu hẹp khu vực kinh tế chưa được quan sát.	Chấp nhận giả thuyết.
H ₃	Quản trị công có vai trò điều tiết mối quan hệ giữa gánh nặng thuế và quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát	Quản trị công tốt làm giảm mức độ tác động thuận chiều của gánh nặng thuế đến NOE với hệ số tương quan -0,013 với mức ý nghĩa p-value < 0,05	

Giả thuyết		Kết quả	Kết luận
H_{3a}	Khi quản trị công nằm dưới ngưỡng, gánh nặng thuế có tác động thuận chiều đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát.	Với $PG \leq 0,2873$, Gánh nặng thuế tăng làm tăng quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát	Chấp nhận giả thuyết.
H_{3b}	Khi quản trị công nằm trên ngưỡng, tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát suy giảm hoặc ngược chiều..	Với $PG > 0,2873$, Gánh nặng thuế tăng làm giảm quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát	Chấp nhận giả thuyết.

Nguồn: Phân tích của tác giả.

Kết quả thống kê mô tả cho thấy quy mô NOE có sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia, dao động từ 11% đến hơn 50% GDP, phản ánh sự đa dạng trong mức độ phát triển thể chế và quản trị công. Gánh nặng thuế có xu hướng cao ở các quốc gia có thủ tục hành chính phức tạp, trong khi quản trị công thể hiện sự phân hóa rõ rệt giữa nhóm có thể chế mạnh và yếu. Kết quả cho thấy: gánh nặng thuế (TB) có tác động dương và có ý nghĩa thống kê cao đối với NOE, hàm ý rằng khi thuế và chi phí tuân thủ tăng, khu vực phi chính thức mở rộng. Biến điều tiết $TB \times PG$ mang dấu âm, chứng minh vai trò điều tiết tích cực của quản trị công, qua đó thể chế mạnh làm giảm tác động tiêu cực của gánh nặng thuế lên NOE. Để kiểm định tính vững, mô hình Bayes cho

kết quả tương đồng với GMM: gánh nặng thuế làm tăng NOE, trong khi chất lượng quản trị công làm giảm tác động này. Tiếp theo, mô hình hồi quy dữ liệu bảng (Hansen, 1999) xác định ngưỡng quản trị công (PG) = 0,2873* (khoảng tin cậy 95% từ 0,2469–0,2984). Khi $PG \leq 0,2873$, gánh nặng thuế làm tăng NOE; nhưng khi $PG > 0,2873$, tác động này đảo chiều, gánh nặng thuế làm giảm NOE. Điều này chứng minh hiệu ứng điều tiết mạnh mẽ của quản trị công khi thể chế càng minh bạch, hiệu quả thì chính sách thuế càng phát huy vai trò tích cực trong việc thu hẹp khu vực phi chính thức.

Kết quả của chương 4 khẳng định: nâng cao hiệu quả quản trị công là yếu tố then chốt giúp giảm tác động tiêu cực của gánh nặng thuế, đồng thời thúc đẩy tính chính thức hóa của nền kinh tế.

CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

5.1. Kết luận về kết quả nghiên cứu chính của luận án

Với đề tài nghiên cứu này, luận án đã góp phần hoàn thiện khung lý thuyết về tác động của gánh nặng thuế và quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát, đồng thời đưa ra những cơ sở về vai trò điều tiết của quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát.

❖ Về mục tiêu nghiên cứu

Luận án đã hoàn thành mục tiêu tổng quát khi phân tích được tác động của gánh nặng thuế trong điều kiện có tác động điều tiết của quản trị công đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát tại nhóm các nền kinh tế mới nổi ở khu vực châu Á. Trong đó, các mục tiêu cụ thể của luận án cũng đã được giải quyết, cụ thể:

Với mục tiêu thứ nhất về việc xem xét tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát tại các nền kinh tế mới nổi ở châu Á và **mục tiêu thứ hai** về vai trò điều tiết của quản trị công lên tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát đã được giải quyết thông qua kết quả mô hình 1. Cụ thể, thông qua kết quả hồi quy theo mô hình FGLS, luận án đã chỉ ra việc tăng gánh nặng thuế sẽ làm tăng quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát, và việc tăng lên quản trị công sẽ làm giảm tác động thuận chiều của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát.

Mục tiêu thứ ba của luận án cũng đã được thực hiện thông qua phương pháp hiệu ứng ngưỡng cho dữ liệu bảng. Qua đó, luận án đã tìm thấy giá trị ngưỡng của PG là 0,2873, với khoảng tin cậy 95% nằm trong khoảng từ 0,2469 đến 0,2984, phân chia tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát thành hai miền: miền có PG thấp với giá trị $PG \leq 0,2873$, tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát

là thuận chiều còn ở miền có PG cao với giá trị $PG > 0,2873$, tác động này sẽ chuyển thành nghịch chiều.

Đối với mục tiêu thứ tư, luận án sẽ đề xuất một số hàm ý chính sách liên quan đến gánh nặng thuế, quản trị công nhằm kiểm soát quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát tại các nền kinh tế mới nổi ở khu vực châu Á.

Về kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu đã đạt được các phát hiện chính sau:

- Gánh nặng thuế (TB) có tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê với quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát, cho thấy khi gánh nặng thuế gia tăng, doanh nghiệp và hộ kinh doanh có xu hướng dịch chuyển sang khu vực phi chính thức để tránh chi phí tuân thủ và nghĩa vụ thuế.
- Quản trị công (PG) có tác động ngược chiều đến NOE, thể hiện rằng thể chế hiệu quả, minh bạch và chính phủ có trách nhiệm sẽ giúp giảm thiểu quy mô khu vực phi chính thức.
- Biến điều tiết $TB \times PG$ khẳng định vai trò điều tiết của quản trị công: khi chất lượng thể chế vượt ngưỡng 0,2873, tác động mở rộng NOE của gánh nặng thuế được chuyển hóa thành tác động thu hẹp.

Tổng thể, nghiên cứu đã chứng minh rằng gánh nặng thuế chỉ góp phần thu hẹp khu vực kinh tế chưa được quan sát khi quản trị công đạt đến mức hiệu quả nhất định. Ngược lại, trong môi trường thể chế yếu, tăng thuế có thể mở rộng khu vực phi chính thức. Đây là bằng chứng thực nghiệm quan trọng để đề xuất các hàm ý chính sách về cải cách thuế gắn với nâng cao chất lượng quản trị công nhằm quản lý và kiểm soát hiệu quả khu vực kinh tế chưa được quan sát tại các nền kinh tế mới nổi ở châu Á

5.2. Hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động của gánh nặng thuế đến khu vực kinh tế chưa được quan sát phụ thuộc vào chất lượng quản trị công, do đó các hàm ý chính sách cần được thiết kế phù hợp với từng mức độ quản trị. Ở nhóm quốc gia có quản trị công thấp, trọng tâm là minh bạch hóa chính sách thuế, công khai ngân sách và tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan thuế để củng cố niềm tin xã hội và giảm động cơ trốn tránh thuế. Với nhóm có quản trị trung bình, cần nâng cao hiệu quả điều hành của chính phủ thông qua cải cách thủ tục hành chính, điện tử hóa quy trình thuế, chuẩn hóa năng lực công chức và giảm chi phí tuân thủ. Đối với nhóm quốc gia có chất lượng quản trị cao, cần gắn cải cách thuế với hoàn thiện thể chế, hướng tới cơ cấu thuế công bằng, hiệu quả và minh bạch hơn, đồng thời đẩy mạnh quản lý rủi ro, kiểm tra sau hoàn thuế bằng công nghệ số. Ở mọi cấp độ, chính sách thuế cần được triển khai đồng bộ với cải thiện quản trị công, đặc biệt trong kiểm soát tham nhũng, đảm bảo ổn định chính trị và duy trì niềm tin thị trường, nhằm tạo lập một hệ thống thuế công bằng và bền vững, qua đó thu hẹp khu vực kinh tế chưa được quan sát.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Tạp chí trong nước

1. Nguyễn Thị Thương & Nguyễn Thị Mỹ Linh (2025). Kinh nghiệm quản lý khu vực kinh tế chưa được quan sát tại một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Tài chính*, 848 (1), 153-157.
2. Nguyễn Thị Thương & Nguyễn Thị Mỹ Linh (2025). Tác động của gánh nặng thuế đến quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát tại các nền kinh tế mới nổi ở khu vực Châu Á. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing*, 16(1), 1-15.
3. Nguyễn Thị Thương & cộng sự (2025). Evaluating the effectiveness of tax policies in reducing the underground economy in Vietnam. *Journal of Finance & Accounting Research*, 32 (1), 21–26.
4. Nguyễn Thị Thương (2024). Kinh nghiệm quản lý thuế nhằm kiểm soát quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát. *Tạp chí Tài chính*, 835 (2), 160-164.
5. Nguyễn Thị Thương (2020). Chính sách thuế tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế. *Tạp chí Tài chính*, 735(2), 68-70.

Tạp chí quốc tế

1. Thuong, N., & My-Linh, T. (2025). The impact of foreign direct investment and public governance on the shadow economy in emerging Asian countries. *Polish Journal of Management Studies*, 31(1), 300-318. <https://doi.org/10.17512/pjms.2025.31.1.17>.

Chương sách

1. Nguyễn Thị Mỹ Linh, Bùi Ngọc Toàn, Thái Duy Tùng, Nguyễn Thị Thương & Nguyễn Tuấn Hùng (2022). Shadow Economy, Corruption, and Economic Growth: A Bayesian analysis. *Financial Econometrics: Bayesian Analysis, Quantum Uncertainty, and Related Topics (Studies in Systems, Decision and Control, 427)* (pp. 747–762). Springer Publishing. ISBN: 978-3-030-98689-6.

Hội thảo quốc tế

1. . Nguyễn Thị Mỹ Linh, Bùi Ngọc Toàn, Thái Duy Tùng & Nguyễn Thị Thương (2022). The threshold of shadow economy for economic growth in ASEAN countries. *Proceedings of The 4th International*

Conference on Finance and Accounting for promotion of sustainable development in private sector (pp. 716-729).

2. Phan Khánh Duy & Nguyễn Thị Thương. Beyond bilateralism: multilateral financial transfers, sectoral aid composition, and the shadow economy in ASEAN. Proceedings of the international conference on Business based on Digital Platform Proceedings The International Conference on Business Based on Digital Platform (BDP-5) (pp. 860-875)